

Bản án số: 23/2020/HS-ST

Ngày 22 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu
Ông Bùi Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

BÙI VĂN T sinh ngày 07 tháng 7 năm 1986 tại Tân Lập - Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm B, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q và bà Bùi Thị H; Bị cáo có vợ là Bùi Thị S và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020, tạm giam từ ngày 07/3/2020. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1984. Trú tại: Xóm K, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm K, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 00 phút, ngày 01/3/2020, Bùi Văn T từ nhà đi đến thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình để đón xe buýt tuyến số 01 đi hướng Yên Thủy –

Hòa Bình với mục đích tìm kiếm sự sơ hở của hành khách trên xe, chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên, quá trình đi trên xe tới thành phố Hòa Bình, T không tìm được cơ hội để chiếm đoạt tài sản của ai nên xuống xe tại trung tâm thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Sau đó T lại đón xe buýt quay trở lại Lạc Sơn; đi xe biển kiểm soát 28H-71xx do anh Bùi Văn H điều khiển. Quá trình ngồi trên xe, T quan sát thấy anh H có để một chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, loại A6+ màu vàng phía sau cần số, cạnh ghế lái anh H đang ngồi điều khiển xe. T liền di chuyển đến ngồi vị trí ngay phía sau ghế lái chờ cơ hội chiếm đoạt chiếc điện thoại nêu trên. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, xe đi đến địa phận xóm Đ, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình thì có khách xuống xe nên anh H cho xe dừng và mở cửa trước cho khách xuống. Lợi dụng lúc xe đang mở cửa, Bùi Văn T nhanh chóng giật chiếc điện thoại của anh H và bỏ chạy xuống cửa trước của xe. Ngay lập tức anh H với tay giữ lại nhưng không kịp, đồng thời tri hô mọi người đuổi theo T nhưng không đuổi được. Đến 21 giờ cùng ngày, Bùi Văn T bị Công an huyện Lạc Sơn bắt giữ người cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ là 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, loại A6+ màu vàng đã qua sử dụng; 01 chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo không màu, đã qua sử dụng; 01 thẻ sim điện thoại của nhà mạng Viettel có số sery: 8984048000057662xxx, số thuê bao: 0387.480.xxx. Các vật chứng nêu trên đã được Cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bùi Văn H.

Tại kết luận định giá tài sản số 08/DG-HĐĐG, ngày 05/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A6+ màu vàng đã qua sử dụng; 01 chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo không màu, đã qua sử dụng có tổng giá trị còn lại là 3.500.000 (*Ba triệu, năm trăm nghìn*) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Văn H đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về tang vật vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; bị cáo nhận tội, không kêu oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Ngày 01/3/2020 Bùi Văn T đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động kèm theo ốp lưng điện thoại có tổng trị giá 3.500.000 đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo*: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm pháp nêu trên là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện để có tiền tiêu dùng cho cá nhân. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo là người có thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

[6] *Về tang vật của vụ án*: Tang vật của vụ án đã được Cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Bùi Văn H không có yêu cầu đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/3/2020.
3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.
4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn